

Giá trị của Tam Bảo đối với con người và xã hội

ISSN: 2734-9195 20:29 19/02/2024

Tam bảo chính là những trị hoàn hảo cho việc xây dựng đời sống hạnh phúc cho người Phật tử, được thể hiện cụ thể qua từng ngôi Tam bảo...

Tam bảo chính là những trị hoàn hảo cho việc xây dựng đời sống hạnh phúc của người phật tử. Giá trị ấy được thể hiện cụ thể qua từng ngôi Tam bảo ứng với những nhiệm vụ riêng, nhưng chung quy vẫn không nằm ngoài mục đích hướng đến hạnh phúc của nhân loại.

Tác giả: **Thích nữ Hiên Liên** *Ni sinh ThS Khóa V Học viện PGVN tại Tp.HCM*

Dẫn nhập

Theo báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu Pew (PRC) Hoa Kỳ năm 2022, tính đến tháng 3 năm 2021, Phật giáo thuộc top 5 tôn giáo có lượng tín đồ và sức ảnh hưởng lớn nhất thế giới chỉ sau Kitô giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo và Đạo giáo. Đặc biệt Phật giáo đã có sự đóng góp to lớn trên hầu hết các lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... ở hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Đó là sự ảnh hưởng tích cực về mặt tư tưởng triết học, đời sống xã hội, góp phần làm phong phú nền văn hóa tinh thần các quốc gia.

Sự quan tâm đến Phật giáo đang tăng đều trên khắp thế giới, đặc biệt từ những người đang muốn tìm kiếm câu trả lời cho những vấn đề gây ra khổ đau cho nhân loại như chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai,... Điều này chính là minh chứng cho giá trị an sinh và hòa bình, khả năng giải quyết những vấn đề của nhân loại mà Phật giáo có thể đóng góp giải pháp. Điều đó khẳng định cho giá trị hạnh phúc là mục đích xuất hiện và tồn tại của Phật giáo.

Tam bảo gồm Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo là những giá trị cao quý nhất của Phật giáo, mà ở đó, mọi đặc tính, công năng, nét ưu việt của Phật giáo luôn được thể hiện rõ.

Bên cạnh những giá trị cao quý ấy, cũng xuất hiện không ít những ngộ nhận vội vàng, những nhận xét thiếu tính xác thực về **Tam bảo**, khiến Phật giáo có khi được diễn giải sai lệch. Điều này không chỉ cản trở quá trình phát triển, lan tỏa sức ảnh hưởng của Phật giáo đến nhân loại.

CHƯƠNG I: SƠ LƯỢC GIÁ TRỊ NHÂN SINH VÀ PHẬT GIÁO

Giá trị của một nền giáo lý được xác định bằng cách mà nền giáo lý ấy giải quyết những vấn đề của nhân sinh, hay nói cách khác chính là khả năng ứng dụng, đáp ứng những giá trị chân chính nhất của nhân loại. Thế nên, để xác định được giá trị của Phật giáo, cần phải làm rõ mục đích chân chính của con người, từ đó ta mới có được những nhận định đúng đắn về **Tam bảo**. Sơ lược nền tảng về giá trị của Phật giáo, giá trị của Tam bảo cũng là bước quan trọng để xác định được giá trị của Tam bảo với nhân loại.

1. Mục đích sống của con người

Trong cuộc sống đời thường, con người thường xem rất nhiều thứ là có giá trị, là trân quý mà khó xác định được mục đích sống thật sự của bản thân. Những giá trị mà bản thân lầm tưởng ấy khiến con người quanh quẩn với những giá trị vật chất phù phiếm, những xúc cảm dục vọng hoặc có đôi khi chỉ là thỏa mãn cái tôi của bản thân.

Đầu tiên, con người thường coi thân mạng là quý, là mục đích sống. Điều này trực tiếp đẩy con người vào vòng khổ đau bởi “Ta có những hoạn nạn lớn là do ta có xác thân”[1]. Vì để bản thân hưởng thụ những giá trị vật chất, sự thỏa mãn trong các giác quan, sự tôn vinh bản ngã cao ngất ngưỡng, con người phải trả những cái giá rất đắt như làm lụng cực khổ, buồn não sâu khổ vì không được như ý, cho đến làm ra những việc sai trái dẫn đến nghiệp quả hiện tại và tương lai.

Tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ngủ nghỉ là năm thứ dục vọng ngày ngày thiêu đốt cuộc sống an lạc và hạnh phúc của mỗi cá nhân. Con người càng đặt nặng và hiểu sai về những điều trên thì cuộc sống sẽ mang nhiều nỗi đau khổ, như lời Thế Tôn dạy: “Nước mắt tuôn chảy do chúng con than khóc khi lưu chuyển, luân chuyển luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển”[2].

Cộng với đó là cuộc sống vô thường, cuộc đời nhiều nỗi bất trắc như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai,... xuất hiện hằng ngày trong cuộc sống khiến nhu cầu về một giá trị thức tỉnh ra đời, giải quyết cho những bất công đau khổ ấy.

Giá trị thức tỉnh mà con người cần chính là một nền tảng giáo lý có thể giúp con người cảm nhận được hạnh phúc thật sự xuất phát từ nội tại bình an mà không phải lấy điểm tựa từ vật chất.[3] Để đạt được mục đích sống thật sự là hạnh phúc ta không thể tìm cầu bên ngoài, mà chỉ có thể xoay chiều vào bên trong bản thân, bởi hạnh phúc đang hiện hữu trong chính ta. Bên cạnh đó các giá trị như hòa hợp xã hội, hòa hợp với môi trường, khỏe mạnh thể chất và tinh thần,... cũng là những giá trị không thể thiếu.

Phật giáo chính là một tôn giáo bình dị nhưng lại có thể đưa con người tìm thấy hạnh phúc chân chính nếu chịu nghe và thực hành theo giáo lý của Thế Tôn. Khi ấy, ta có được nhận thức đúng đắn về sự thật của thân, tâm, thế giới, dễ dàng cảm thông, hoan hỷ chấp nhận với mọi hoàn cảnh thuận nghịch của cuộc đời. Nhất là biết an trú trong hiện tại, biết trân quý những gì đang có, bởi hạnh phúc luôn có mặt khi nội tâm an tĩnh, chính niệm thường trực, đương niệm, bây giờ và ở đây.[4]

Xác định được những giá trị cao quý nhất của con người, ta sẽ dễ dàng thấy được sự tương quan giữa nhu cầu hạnh phúc và khả năng đáp ứng cho nhu cầu ấy của Phật giáo. Ta có thể mạnh dạn khẳng định, Phật giáo là một tôn giáo tuyệt vời, nơi những giá trị cao quý nhất của con người luôn được thỏa mãn.

2. Phật giáo giữa các tôn giáo

Giá trị thật sự của một Phật giáo chính là nét đặc sắc hiếm có, nơi mà những giá trị đưa đến hạnh phúc chân chính cho từng cá nhân và xã hội được đưa lên hàng đầu. Không thần thánh hóa, không giáo điều, không ràng buộc, Phật giáo cứ như thế lan tỏa trong từng cá thể của nhân loại để mang lại hạnh phúc cho mỗi cá nhân, cho cộng đồng và cho xã hội.

Giá trị hòa hợp tôn giáo

Mỗi tôn giáo đều có những niềm tin khác nhau về sự khởi đầu của sự sống và sự chết, cũng như những diễn dịch khác nhau về sự “cứu rỗi” tốt cùng. Mỗi tôn giáo đều có lý lẽ và cái hay của nó. Nếu như, Nho gia lấy trí, nhân, dũng làm cơ sở đạo đức cơ bản để tu thân, trị quốc của con người, là đức tính chung của nhân cách con người, thì đạo chúa lấy thần làm gốc, tín ngưỡng thần, vì tin vào thần mà có hy vọng, vì thần yêu loài người nên bản thân chúng ta cũng phải

yêu loài người.

Về cơ bản những tôn giáo ấy tồn tại luôn vì mong muốn giải quyết các vấn đề của nhân sinh. Tuy thế, nhưng nhu cầu về một giá trị chân chính mà con người luôn mong mỏi vẫn chưa được đáp ứng triệt để.

Giữa tương quan giá trị của các tôn giáo, “chưa hề có một ví dụ nào về việc Phật giáo can thiệp hay làm điều gì phương hại đến bất kỳ tôn giáo nào ở bất cứ nơi nào trên thế giới để mà phát triển tôn giáo của mình”[5]. Phật giáo luôn đặc biệt như thế, luôn “phát huy và tôn trọng tôn giáo của mình mà không thiếu tôn trọng hay thất lễ với những tôn giáo khác trong bất kỳ tình huống nào”[6]. Chính giá trị hòa hợp, không bạo động của Phật giáo đã góp phần giải quyết nhu cầu hòa bình, an ổn của con người.

“Sự kính trọng của người Tây phương đối với tôn giáo do đức Gotama sáng lập có lẽ được phát xuất bởi tính chất phi tôn giáo của nó trong tất cả những gì Phật giáo gieo mầm lên toàn thể loài người.”[7] Chính điều này làm Phật giáo trở nên nổi bật, thiết thực và tràn đầy sức sống. Hơn thế, Phật giáo còn ươm mầm trong nhân loại những giá trị về sự hòa hợp, không bạo động, cùng chung sống an bình, hạnh phúc.

Từ bi song hành cùng trí tuệ

Phật giáo là đạo của từ bi và trí tuệ. Mọi giá trị, hành vi và phương tiện của Phật giáo đều quy về thước đo này mà quyết đoán. Một điều đặc biệt, từ bi của Phật giáo luôn song hành cùng trí tuệ. Đây là điểm sáng giúp Phật giáo giải quyết được các vấn đề nhân sinh, đưa Phật giáo trở thành tôn giáo không thể thiếu cho sự phát triển của nhân loại.

Đi ngược lại với phần đông tôn giáo xem đức tin là trên hết, Thế Tôn nhấn mạnh: “...chớ vội tin kinh điển truyền tụng, chớ vội tin lý luận siêu hình,...”[8]. Hàng đệ tử Phật phải trau dồi từ bi và trí tuệ mới có thể vượt qua những chướng ngại sự thể nhập chân lý, vượt qua ích kỷ hẹp hòi, mà trải lòng thương một cách rộng mở, đưa các giá trị của Phật Đà phát dương, từ đó mới có thể kế thừa sự nghiệp của Như Lai.

Từ bi và trí tuệ như một trái tim ấm, một cái đầu sáng suốt khiến cho chúng ta có thể lan tỏa lòng yêu thương một cách đúng pháp. Đây là những phẩm tính quan trọng của đạo Phật. Với sự tiến bộ không ngừng của nhân loại, những giá trị này ngày càng được tôn vinh, đặt nền móng vững chắc cho sự tồn tại lâu dài của Phật giáo. Từ bi và trí tuệ là những phẩm chất cần thiết cho đời sống an lạc

của mỗi cá nhân đồng thời đó cũng là chất liệu quan trọng góp phần xây dựng hòa bình, hạnh phúc cho toàn thể nhân loại.[9]

Giá trị trung đạo

Một khẳng định đầy tự tin rằng: “Phật giáo là con đường Trung đạo”[10]. Quan điểm tư tưởng của đức Phật trước hết là phản ánh một thực tế sinh động của các quan điểm tôn giáo và triết học khác nhưng không thiên lệch về bên nào mà mở ra được con đường sáng giữa những thái cực cực đoan của thời đại. Điều này làm nên nét đặc biệt và sức công phá vô cùng mạnh mẽ khó có được ở các tôn giáo khác của Phật giáo.

Thế Tôn hiểu rõ sự nông cạn của hai lý thuyết cực đoan ảnh hưởng đến cuộc sống: khổ hạnh và hưởng thụ. Người là người đầu tiên nhận ra sự vận hành tinh tế của tâm thức con người. Theo Người, “toàn bộ cuộc hiện hữu không gì khác là phóng ảnh tâm thức bị ám ảnh bởi vô minh và tham ái”[11]. Sự giác ngộ của Người được xem là sự kiện xé tan bức màn vô minh, cắt đứt lưới tham ái, cái gọi là “tạo hóa trở trêu”.

Con đường Trung đạo hay Bát chính đạo là lối sống mà ở đó tất cả mọi người, dù là Tăng, Ni hay cư sĩ, thậm chí là người không theo Phật giáo, tín đồ tôn giáo khác đều có thể theo đuổi và đạt được thành tựu từ thể chất đến tâm linh, hướng đến giải thoát tự thân, giải thoát khổ đau. Bát chính đạo chính là đạo đức thực tiễn của con người, vừa đại diện cho mục tiêu xây dựng và hoàn thiện đạo đức con người cho mục tiêu thành tựu Phật quả, lý tưởng cao nhất của đường lối thực hành Phật giáo.[12]

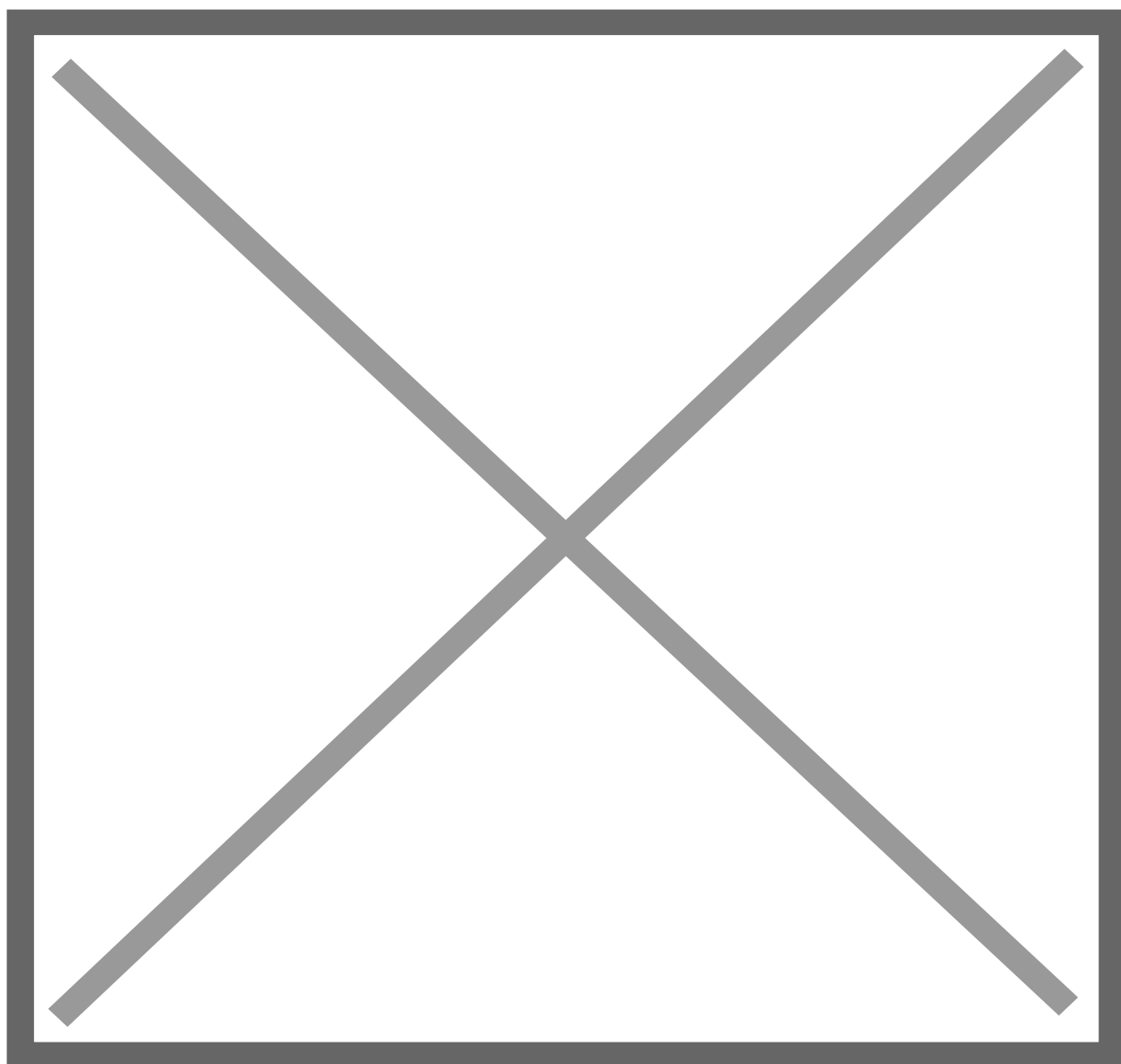
Lấy con người làm trung tâm

Phật giáo là tôn giáo duy nhất không đề cao thần linh, không hướng về các yếu tố huyền bí, mà luôn hướng đến giá trị cơ bản của con người với việc lấy con người làm trung tâm cho tất cả mọi hạnh phúc khổ đau của chính bản thân mình: “Mỗi người là nơi nương tựa của chính mình, còn ai khác là chỗ nương tựa của mình?”[13] Thế Tôn như một vị thầy hướng dẫn con đường đúng đắn, còn đạt được hay không là ở nơi thực hành của mỗi người: “các thầy tự làm những việc của mình, còn Như Lai chỉ giảng dạy cách làm”[14]

Khi đưa con người về đúng với vị trí mà con người nên có, nhân loại sẽ không còn tồn tại nỗi sợ trước những sức mạnh siêu nhiên huyền bí, con người được tự chủ vận mệnh và tự ý thức về những hành vi của bản thân. Từ đây con người sẽ không còn đổ lỗi cho “đấng thần linh” hay cam chịu mà có được phương hướng

để tìm ra con đường giải thoát cho tự thân. Từ đây, ý thức về sự học hỏi giáo lý, tinh cần tu hành, vận dụng tuệ giác, nỗ lực thiền quán về sự sinh diệt,... để có được giải thoát thật sự nơi nội tâm.

Ở Phật giáo, con người được đưa về đúng với bốn phận và giá trị nên có. Nếu có được niềm tin nơi giáo lý, con người sẽ thắng được nỗi lo sợ, bất an, phiền não xáo động tâm tư. Đây là điểm sáng khiến cho chính Pháp của Thế Tôn được truyền bá rộng rãi và được đông đảo tín đồ tin học. Phật giáo có thể nói là điểm tựa vững chắc để con người sống đúng với giá trị của chính mình.



Ra đời và tồn tại vì hạnh phúc nhân sinh

Trong kinh Pháp Hoa, Ngài dạy: “Ngài sinh ra đời vì một đại sự nhân duyên là khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến”[15]. Đức Phật ra đời đem niềm hạnh phúc lớn cho nhân loại nói chung và cho đệ tử đức Phật, người xuất gia cũng

như người tại gia nói riêng.

Ngài chỉ cho chúng sinh con đường quay về tìm và nhận ra chân tính - Phật tính của mỗi người. Khi chúng ta tìm gặp được đó là niềm hạnh phúc vĩnh cửu của con người. Nếu ngày nào ta chưa tìm ra Phật tính của mình thì nhất định chúng ta sẽ còn luân chuyển trong biển khổ luân hồi sinh tử.

Thông điệp đầu tiên đức Phật đã tuyên bố để chúng ta thấy rõ sự có mặt của Ngài trên thế gian này và đặc biệt là mục đích chỉ cho con người quay về nhận ra chân tính hay Phật tính của mình. Ngài còn dạy: “Này chư Tỳ-kheo, hãy luôn luôn du hành vì an lạc, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chư Thiên và loài người”[16]. Khi chúng ta thọ nhận thông điệp du hành của đức Phật và luôn thực hành theo lời dạy của Ngài thì dù sinh ra ở bất cứ quốc độ nào nhất định niềm vui hạnh phúc sẽ hiện hữu bên ta.

Có thể nói rằng, đó là sự mâu nhiệm trong giáo lý của đức Phật, sự mâu nhiệm của việc chuyển hóa tâm thức theo chiều hướng tích cực. Khi đã tu tập và thực hành lời dạy của đức Phật sẽ làm cho con người vượt thoát mọi phiền não khổ đau, vượt thoát giai cấp, mọi tầng lớp trong xã hội dù đó là tầng lớp nào, giai cấp nào đi nữa cũng không làm chướng ngại sự chứng nghiệm niềm an vui, hạnh phúc trong tâm thức con người.

Chính đức Phật và giáo pháp của Ngài luôn đem ánh sáng từ bi và trí tuệ để soi rọi tâm thức, xua tan mọi khổ đau hệ lụy trong cuộc đời này. Giáo pháp ấy làm chúng sinh phát khởi niềm tin, biết lựa chọn cách sống, lối sống cho chính mình, để từ đó vững tin vào khả năng thành Phật, sự giác ngộ giải thoát luôn sẵn có nơi mỗi người.

3. Vài nét về giá trị của Tam Bảo

Nếu mục đích của đời sống là cuộc sống hạnh phúc thì Tam bảo chính là những trị hoàn hảo cho việc xây dựng đời sống hạnh phúc cho người Phật tử. Giá trị ấy được thể hiện cụ thể qua từng ngôi Tam bảo ứng với những nhiệm vụ riêng, nhưng chung quy vẫn không nằm ngoài mục đích hướng đến sự hạnh phúc của nhân loại.

Giá trị của Phật bảo

Trong tất cả những người sáng lập tôn giáo thì đức Phật là người thầy duy nhất không tự cho mình là hơn, tự nhận mình là một người bình thường và giản dị. Người còn tuyên bố mình không phải đáng sáng tạo hay có một thế lực siêu

nhiên nào cả. Người hiện thân như một người bình thường giữa đời, bỏ tục xuất gia, chứng đắc Thánh quả và đi khắp nơi để truyền bá giáo pháp mình đã chứng đắc như một lời chúc phúc nhân loại.

“Phật:Người biết, Người có được sự thuần khiết, sự chiếu sáng và sự bình an trong tâm”[17]. Đức Phật là một con người thánh thiện, như dân tộc Ấn Độ thường gọi ngày xưa: Ngài Thánh của các bậc Thánh. Một con người như Phật thì trong xã hội loài người không ai có giá trị hơn. Tự nói về mình, Ngài dạy: “Ta là một hữu tình không bị si chi phối. Ra đời vì lợi ích và hạnh phúc cho chư Thiên và loại người”[18]. Đức Phật thường được gọi là đấng Lương túc tôn (đủ cả hai mặt đức hạnh và trí tuệ).

Khi so sánh với con người, Thế Tôn có thân tướng đẹp đẽ, sức khỏe tốt, tuổi thọ cao, đạo đức lớn, trí tuệ siêu việt và tinh tấn hành trì. Các danh hiệu tôn xưng đức Phật rất nhiều thể hiện sự tôn kính: Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật.[19]

Mười khả năng của Thế Tôn cũng được người đời hết lòng ca ngợi. Các khả năng ấy tiêu biểu là: Tuệ tri xứ phi xứ, Tuệ tri quả báo của nghiệp trong ba đời, Tuệ tri con đường đi đến mọi cảnh giới, Tuệ tri thế giới với nhiều cảnh giới khác nhau, Tuệ tri chí hướng sai biệt của các loài chúng sinh, Tuệ tri căn cơ thượng hạ của các loài chúng sinh, Tuệ tri sự ô nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khỏi các thiện chứng về thiện, về giải thoát, về định, Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh.

Thế Tôn có bốn điều không sợ hãi: Ngài không sợ ai chỉ trích Ngài chưa chứng đạo quả, không sợ ai chỉ trích Ngài chưa đoạn trừ các lậu hoặc phiền não, không sợ ai chỉ trích Ngài về các pháp chứng ngộ là không chứng ngộ, không sợ ai chỉ trích Pháp Ngài dạy không đưa đến giải thoát khổ đau.

Như trên là những giá trị của Phật mà không ai có thể có được, những giá trị ấy xác định khả năng giáo hóa chúng sinh và tác dụng chuyển mê khai ngộ, cứu khổ chúng sinh của Phật. Ai nương tựa tu hành theo Phật chắc chắn đạt được an lạc và hạnh phúc lâu dài. Do đó đức Phật được gọi là Phật bảo.[20]

Ngày nay, Thế Tôn không còn tồn tại bằng xương bằng thịt, nhưng những giá trị cao quý ấy vẫn luôn hiển hiện, luôn đồng hành cùng mỗi người con Phật, trở thành tấm gương sáng hoàn hảo cho con người noi theo để định hướng đời sống của mình. Ngài là nguồn cảm hứng bất tận, nuôi dưỡng niềm tin và lý tưởng cao thượng.

Ngài chính là niềm hy vọng cho nhân loại trước viễn cảnh đau thương và hủy diệt của địa cầu. Ta có thể mạnh dạng khẳng định, Thế Tôn là biểu tượng của giá trị thiêng liêng, siêu phàm, là nơi quy hướng, đoàn kết thống nhất mọi tông môn, hệ phái Phật tử trên toàn thế giới.

Giá trị của Pháp bảo

"Pháp là những tính chất thuần khiết, chiếu sáng và bình an, phát sinh từ giới, định, huệ. Thế nên người đắc đạo là người trau dồi và phát triển giới định tuệ"[21]. Pháp là những lời dạy của Phật, là những đạo lý chân thật về bản chất của đời sống, là những điều cần thiết cho việc đoạn trừ khổ đau xây dựng hạnh phúc an vui và sự giải thoát hoàn toàn sinh tử luân hồi.

Người ta sống không chỉ có vật chất mà phải có văn hóa, tinh thần, mới có thể xây dựng nhân cách và đời sống hạnh phúc được. So sánh với những giá trị văn hóa, tư tưởng, lý tưởng sống của thế gian thì pháp của Phật là cao đẹp hơn hết.

Kinh Trung Bộ dạy: "Trong tất cả các pháp thì pháp ly tham là tối thượng"[22]. Tham là nguồn cội của khổ đau, ly tham là nguồn cội của hạnh phúc. Tất cả những gì Phật dạy đều đưa đến đoạn trừ nguồn cội của khổ đau, do vậy Pháp được gọi là Ly dục tôn. Giáo pháp của Phật cung cấp cho con người những phương cách tư duy và hành động phù hợp với quy luật xây dựng hạnh phúc. Giáo pháp ấy xuất sinh từ chứng ngộ chân lý của Phật.

Pháp của Như lai có 5 đặc tính lần lượt mở ra trong mỗi hành giả đường hướng hướng đến hạnh phúc của nhân sinh. Người nào tiếp nhận giáo pháp sẽ mở được trí tuệ, thấy rõ chân lý. Giáo pháp rất thiết thực và tác dụng ngay trong hiện tại. Giáo pháp không bị đào thải bởi thời gian và luôn luôn đúng. Ai tiếp nhận giáo pháp đều tự làm cho mình được thăng hoa. Người có trí tuệ sẽ thực nghiệm được chân lý.

Giá trị của pháp được biểu hiện qua tất cả các phương diện của đời sống nếu hành giả biết cách ứng dụng và hành trì. Đầu tiên, Pháp định hướng niềm tin và lý tưởng cho con người. Pháp có tác dụng đánh thức giác tính của con người, hóa giải những mâu thuẫn nội tại cũng như ngoại giới. Cuối cùng, Pháp có công năng giải tỏa những áp lực tinh thần và những ức chế do đời sống đấu tranh sinh tồn mang lại.

Như vậy, sự có mặt của giáo pháp là vô cùng cần thiết cho con người và xã hội. Tác dụng lớn nhất của pháp như một ngọn đèn soi sáng trong đêm tối, nhất là soi sáng sự tăm tối trong nội tâm của con người. Ngày nay, Pháp bảo tồn tại

như điểm tựa tinh thần, khiến cho bất kể là ai, trong hoàn cảnh nào, nếu đủ niềm tin mà hành trì sẽ vực dậy và đạt được những giá trị hạnh phúc, đúng như lời Thế Tôn dạy: “Dùng chính pháp làm ngọn đèn, dùng chính pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một điều gì khác.”[23].

Giá trị của Tăng bảo

“Tăng là những người mà muốn đi về nhà, là những người không chỉ ngồi đó mà suy nghĩ về chuyển du hành của mình. Họ phải trải qua tiến trình du hành từng bước một và theo đúng hướng”[24]. Tăng bảo là cộng đồng đệ tử xuất gia của Đức Phật, là một hội chúng tu học theo con đường Phật đã vạch ra, sống theo đạo lý hướng đến giác ngộ giải thoát như Phật. So sánh với các đoàn thể, các hội chúng trong xã hội thì hội chúng đệ tử của Phật được coi là cao cả nhất.

Trong kinh Trung Bộ có đề cập: “Trong các hội chúng thì chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn được coi là tối thượng vì đó là hội chúng có đủ bốn đôi tám vị. Đáng được cung kính tôn trọng, cúng dường. Đó là phước điền vô thượng ở đời”[25]. Do vậy còn được gọi là Chúng Trung Tôn.

Hợp quần là thuộc tính của con người, từ ngàn xưa loài người đã sống hòa hợp đoàn tạo nên các cộng đồng cùng chia sẻ với nhau những thành quả lao động và hợp quần với nhau để bảo vệ chúng. Con người luôn có hai mặt: Con người cá nhân và con người xã hội (Hay còn gọi là con người chính nó và con người là sản phẩm của xã hội). Do vậy, trong đạo Phật luôn coi cuộc sống của con người là kết quả của biệt nghiệp và cộng nghiệp, tức là hành vi cá nhân và hành vi cộng đồng.

Cuộc đời của một con người trở nên tốt hay xấu, thiện hay ác, đau khổ hay hạnh phúc... tùy thuộc rất nhiều vào môi trường sống. Trong đó môi trường văn hóa và giáo dục là chính yếu. Các mối quan hệ cộng đồng, các tổ chức nhóm, bè phái, hội đoàn, tôn giáo,... tác động rất lớn vào quá trình hình thành nhân cách con người như Tổ Quy Sơn dạy: “Sinh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu”[26].

Một người may mắn được sống trong một cộng đồng tốt thì đời sống an ổn và hạnh phúc sẽ bảo đảm, còn nếu không may sống trong một cộng đồng không tốt thì rất dễ trở thành kẻ hư hỏng và phạm tội. Như vậy xây dựng một cộng đồng tốt, thánh thiện sẽ tạo môi trường sống lành mạnh, sẽ nâng cao chất lượng sống cho một cá nhân. Tăng già chính là một cộng đồng như vậy.

Điểm nổi bật của Tăng bảo là bốn đặc tính mang đậm tính chất và giá trị vì hạnh phúc của nhân sinh. Đầu tiên là đức tính ngay thẳng, thật thà, không lừa

đạo, đối trá quanh co. Thứ hai là sống với nguyên tắc đạo đức, lòng khoan dung và vị tha. Kế đó là sống đời sống tri túc, không bị danh lợi cuốn lôi. Cuối cùng là sống hợp với chính pháp, thuận theo chân lý hướng thượng theo lộ trình giới định tuệ.[27]

Giá trị của Tăng nằm ở nội dung của Tăng là thành tựu những kết quả tâm linh cao thông qua bốn đôi tám vị[28], nên tác dụng của tăng vô cùng lớn. Tăng là biểu tượng của đạo đức và làm nên gương đạo đức cho con người xã hội. Tăng cung cấp năng lượng giải thoát, là lối thoát cho mọi áp lực và bế tắc của con người và xã hội. Tăng giữ gìn chân lý, đem trí tuệ soi sáng cho đời, duy trì và phát triển giáo dục và giữ gìn giếng mối đạo đức, giữ gìn nền văn hóa dân tộc. Tăng thanh tịnh có thể nhiếp phục được phi Tăng.

Tóm lại, tác dụng tích cực của Tăng, của năng lượng thanh tịnh tập thể đưa đến chuyển hóa nhanh chóng thói quen xấu, nỗi đau, vết thương lòng, giải tỏa bức bách của cuộc đời. Nhờ Tăng, giá trị cao quý của Phật bảo và Pháp bảo được hiển hiện giữa đời, lan tỏa đến muôn nơi, trở thành cầu nối giữa nhân loại với giá trị hạnh phúc nhân sinh.

Tiểu kết

Xác định được đâu là giá trị của nhân sinh, đâu là mục đích thật sự của con người, ta sẽ có được nền tảng đối chiếu mà các giá trị của Tam bảo đem lại giữa tương quan các tôn giáo khác. “Mục đích của các tôn giáo khuyên người làm thiện là đều giống nhau nhưng về phần kết luận thì Phật giáo lại có khác chút ít”[29].

Phật, Pháp và Tăng là những đối tượng phụng thờ của người phật tử trong ý nghĩa xây dựng cuộc sống an vui hạnh phúc cho con người trong hiện tại và ngay trong đời sống này. Trên cơ sở những gì tốt đẹp được xây dựng, giá trị tinh thần Tam bảo sẽ xây dựng cho con người cuộc sống an vui vĩnh cửu, vượt thoát mọi khổ đau của trần thế.

CHƯƠNG II. GIÁ TRỊ CỦA TAM BẢO ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN

Albert Einstein đã nhận định rằng: “con người cần vượt qua bản ngã ích kỷ hẹp hòi, thành tựu tình thương thái độ tôn trọng sự sống để cho mục đích của cuộc sống được tự sinh động”[30]. Tất cả những điều đó đều hoàn toàn được trình bày trong giáo lý của Thế Tôn khi mà cả về sức khỏe thể chất, tinh thần và giá trị tâm linh cũng như sự giải thoát đều được đáp ứng đầy đủ.

1. Sức khỏe thể chất

“Sức khỏe là vàng” hay “Tài sản lớn nhất đời người là sức khỏe và trí tuệ”[31] là những câu nói rút ra từ kinh nghiệm sống thể hiện rõ giá trị quan trọng đầu tiên của nhân sinh. Dù ta tạo ra vô giá tài sản những nếu không có sức khỏe thì cuộc đời trở nên vô nghĩa. Phật giáo là tôn giáo ra đời vì đáp ứng nhu cầu của nhân sinh thế nên, đối với sức khỏe thể chất Thế Tôn vô cùng chú trọng.

Đức Phật được biết như là Vị Lương Y có một không hai bởi vì sự quan tâm sâu sắc của Ngài đối với sức khỏe tinh thần, sự giác ngộ của ngài về căn nguyên của bệnh tật và chính pháp mà ngài dạy để chữa trị, giống như lương dược để phòng hộ, ngăn ngừa và phục hồi. Người nhắc nhở chúng sinh về giáo lý Nghiệp, duyên khởi như giải thích căn nguyên và nêu ra biện pháp.

Tầm quan trọng của Pháp hay giáo lý nghiệp trong mối tương quan tương duyên với sức khỏe và bệnh tật không dẫn tới thuyết định mệnh hay chủ nghĩa bi quan. Luật này nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa nhân và quả. Nó không dẫn đến quyết đoán cục bộ. Tin vào nghiệp là gánh lấy trách nhiệm cá nhân đối với sức khỏe. Sức khỏe không ai cho mình. Nó phải được đạt tới bằng chính nỗ lực của con người và con người không nên trách móc người khác vì sự đau khổ mà mình phải gánh chịu bởi vì bệnh tật.

Theo Phật giáo, bất cứ đời sống nào mà chỉ biết mưu cầu lợi ích cho chính mình là đời sống không giá trị. Do đó, Phật giáo khuyến khích chúng ta dùng thân thể này cho những mục đích cao cả hơn, đặc biệt cho việc thành đạt mục đích tối thượng Niết Bàn, giải thoát khỏi vòng sinh tử vô tận. Việc thực tập liên tục nền đạo đức và thiền định sẽ giúp chúng ta tự chế với ham muốn, cảm giác, và vị kỷ. [32]

Sức khỏe thể lực được Phật giáo xem như là được tạo thành bởi chức năng bình thường của thân thể và các cơ phận tương quan tương duyên của nó. Khi một cơ phận không làm tròn chức năng, thì sự suy nhược và bệnh tật phát sinh. Chức năng bình thường của các cơ phận trong thân thể là kết quả của sự hài hòa và thăng bằng của tứ đại.

Nếu sự quân bình bị đánh mất, chức năng bình thường bị đổ vỡ và tình trạng bệnh tật xuất hiện. Việc chữa trị là phục hồi lại sự quân bình này, đó là, làm cho toàn bộ cơ thể khỏe mạnh, mà không chỉ có một bộ phận đau khổ vì bệnh, trong điều kiện tốt.

Đối với vấn đề sức khỏe thể chất và trị liệu, Tăng bảo luôn đóng vai trò chủ chốt trong việc truyền bá, xiển dương giá trị giáo pháp của Thế Tôn trong ứng dụng

và hành trì. Các pháp môn phương tiện của Thế Tôn, Tăng đoàn truyền bá có thể kể đến như Thiên, niệm Phật, lạy Phật, trì chú, trì kinh, ăn chay,... đem lại những hiệu quả vô cùng tích cực đối đáp ứng các nhu cầu về giá trị của nhân sinh, mở ra cuộc sống tươi đẹp

Về thiền, TT. Nhật Từ nhận định: “Được thân người là một phước báu để trải nghiệm nụ cười. Không cười là tự đánh mất quyền lợi mà bản chất hạnh phúc cho phép chúng ta trải nghiệm ở phương diện này hay phương diện khác”[33]. Hay như bác sĩ Hồng Nguyên đã nói: “...nên chẳng, song song với y dược, mỗi người nên thiền ngày hai lần, mỗi lần tối thiểu 10 phút...” [34]. Thiền là một phương pháp trị liệu Phật giáo để xương.

Niêm Phật có thể chuyển hóa được mọi loại bệnh trong thân, phát huy sức khỏe thể chất, làm nền tảng cho sức khỏe tinh thần. Khi niệm Phật, “cơ thể sẽ tiết ra chất hóa học endorphins và 30 điều kỳ diệu của nước enkephalins giúp tăng sức mạnh để chiến thắng bệnh ung thư”[35]. Xét riêng về pháp môn niệm Phật ta thấy được tình thương của Thế Tôn, giá trị tuyệt vời của giáo pháp và sự truyền bá tích cực của Tăng bảo. Xét về phương diện y học, niềm tin vào Tam bảo vẫn là một bí quyết chữa bệnh tối ưu.

Phương pháp lỵ Phật là phương pháp giản đơn những mang lại lợi ích lớn về sức khỏe thể chất. Lỵ đúng cách sẽ chữa được nhiều thứ bệnh đúng như Pháp sư Đạo Chứng nhận định: “Lễ Phật là hình thức vận động phù hợp với những nguyên lý của y học.... vì thế, lễ Phật tiêu trừ được những nguyên nhân gây tật bệnh và chưa lành tật bệnh”[36].

Nếu như niệm Phật có thể chữa lành bệnh tật thì trì chú cũng có công năng không kém. Nhìn qua, thì đây có vẻ mê tín, nhưng đứng về phương diện y học thì đây quả thực là một phương pháp trị liệu hiệu quả. Tương tự, trì kinh cũng là phương thức chữa bệnh đặc biệt, thiên về tâm bệnh, đúng như nhận định của các nghiên cứu tại Mỹ rằng: “Đây là biện pháp giải quyết tế bào ung thư gốc”[37].

Ăn chay là một trong những phương pháp phục hồi sức khỏe. Theo sự kiểm nghiệm của y học, ăn chay có 13 lợi ích: giúp da khỏe mạnh; cải thiện sự trao đổi chất và sức khỏe tim mạch; gia tăng sức khỏe xương và tuổi thọ; giảm nguy cơ các khó chữa ở người.[38] Hơn thế, nhờ ăn chay mà con người ta có thể đạt được những bình yên thật sự trong tâm hồn, phát huy cảnh giới của tâm linh.

Thế Tôn vì lòng bi mẫn mà truyền trao giáo pháp giúp cho chúng sinh có được những biện pháp cụ thể để bảo vệ sức khỏe. Chính Pháp lưu truyền, để bất cứ ai đều có thể học tập. Tăng già nỗ lực đưa bước chân Phật giáo đến khắp muôn

nơi, để những giá trị cao tốt của Thế Tôn khế hợp với con người. Từ đây, ta có thể mạnh dạn khẳng định, giá trị của Tam bảo giúp phát triển sức khỏe thể chất của con người.

2. Sức khỏe tinh thần

Sức khỏe thể chất là quan trọng bởi vì Tam bảo xem nó như phương tiện để giác ngộ. Thế Tôn không muốn con người phải sống lâu dài trong sức khỏe yếu kém, bởi vì như vậy họ sẽ không thể cống hiến cuộc đời cho những mục đích cao cả. Dù Phật giáo xem tâm và thân hiện hữu trong tương duyên tương tức, giáo lý Như Lai dạy để ý đặc biệt đến tâm và sức mạnh của nó.

Điều này được dạy trong bài kệ đầu tiên của kinh Pháp Cú rằng những gì chúng ta có là kết quả của tâm thức chúng ta. Nguồn của đời sống và do đó hạnh phúc hay khổ đau của chúng ta nằm trong ta - trong sức mạnh của chúng ta. Không ai có thể hại mình ngoài chính mình. Đó là loại tư tưởng mà chúng ta nuôi dưỡng để cải thiện hay làm suy yếu cuộc sống tốt đẹp về thể chất và nó cũng làm cho chúng thăng hoa hay thoái hóa.[39]

Đây là lý do tại sao Phật giáo chỉ rõ tâm như là nguyên nhân của hành động thân và miệng với các nghiệp quả, xem sức khỏe tinh thần là quan trọng nhất và nhấn mạnh đến sự rèn luyện tâm để đạt giai đoạn cao nhất của sức khỏe như là quan tâm nền tảng. Mối ưu tư đến sức khỏe tinh thần này cũng được coi là thiên hướng thực sự của những tu sĩ Phật giáo. Sự rèn luyện dựa vào niềm tin rằng cả thân và tâm đều nghiêng về sự bệnh tật.

Nhưng bởi vì tâm có thể tách rời khỏi cơ thể, có thể có một tâm hồn khỏe mạnh trong một cơ thể bệnh hoạn. Lời dạy từ đức Phật cho các đệ tử của Ngài đang bị đau khổ vì tuổi già là giữ tâm lành mạnh trong thân bệnh.

Theo Thế Tôn, để tâm lành mạnh, thì trước hết nó cần chúng ta phát triển chính kiến về thế giới và chính mình, tức là chấp nhận tính hiện thực của Tam Pháp Ấn: Vô thường, vô ngã, và khổ. Thiên kiến làm cho chúng ta nhìn thấy vô thường như là thường, đau khổ như là hạnh phúc, ô nhiễm như là thanh tịnh và vô ngã như là hữu ngã. Kết quả là ta thường khao khát và tranh thủ để được điều gì đó thường hằng - thường hằng ảo tưởng và ngã, đối tượng thường hằng của lòng tham và luôn luôn đau khổ vì thất vọng.[40]

Bằng việc chấp nhận các pháp như chúng là, ngã được quán sát như là chẳng có gì ngoài các tên gọi đối với sự phức hợp của những yếu tố tâm vật lý (danh, sắc), chúng là vô thường, khổ, và vô ngã, cũng như các hiện hữu khác, và như thế tâm chúng ta không còn khao khát thỏa mãn lòng tham lam vị ngã, không

còn bám víu vào bất cứ đối tượng nào. Giải thoát khỏi những tham lam vị ngã và cố chấp này đối với thế giới vật chất, tâm sẽ được an tịnh, khổ đau sẽ được giải trừ, dẫn đến lành mạnh tâm thức.

Ngoài việc chuyển hóa tư duy thiên kiến bằng việc thực hành chính kiến này và qua việc phát triển thái độ xả chấp đối với thế giới và tự ngã, sự lành mạnh tâm thức của chúng ta tùy thuộc vào năng lực kiểm chế những tham dục và hạn chế và hay tiêu diệt các trạng thái tâm lý tiêu cực như tham lam, sân hận và si mê, cũng như các xu hướng chiếm hữu và thủ đắc. “Ba độc này có thể hoạt động như là nguyên nhân đưa tới bệnh hoạn tâm lý và vật lý”[41].

Sự kiểm chế như thế có thể đạt được qua sự thực hành giới và thiền định. Tất cả giới luật và các loại thiền định của Phật Giáo đều nhắm đến mục đích kiểm chế cảm xúc, động loạn, và bản năng, để giảm thiểu căng thẳng, và diệt trừ những ý tưởng độc hại làm cho tâm thức bệnh hoạn.

Để phát triển sức khỏe về tinh thần, biện pháp quan trọng của Phật giáo là Thiền. Trong khi thiền chỉ làm tâm thức lắng yên bằng năng lực của chính niệm tập chú, thiền từ bi làm trung hòa và thay thế các trạng thái độc hại như giận dữ, thù hận, oán hận, và ganh tị bằng việc tu tập lòng từ bi và các trạng thái vi tế khác được biết như là thương yêu, cảm thông, và bình tĩnh.

Từ bi, thương yêu, và cảm thông là thuốc giải độc đối với giận dữ, thù ghét, và ganh tị, trong khi sự bình tĩnh là diệu dược đối với khổ đau gây ra bởi cố chấp. Nó có khả năng giúp tâm thức giải thoát khỏi thân xác và những hiện tượng khác, vật lý hay tâm lý, và bình tâm trước bất cứ sự kiện nào bên trong hay bên ngoài.

Bên cạnh đó, cầu nguyện cũng là một giá trị hữu ích giúp người ta điều trị sức khỏe tinh thần. “Cầu nguyện chủ đích là để bày tỏ sự tôn kính đối với Tam bảo, Phật, Pháp, Tăng và để nhắc nhở con người về phẩm đức thánh thiện của đức Phật và giáo pháp của ngài, cũng như để xác tín sự an lạc và bảo hộ”[42].

Điều này có những hiệu quả kỳ diệu trên hệ miễn nhiễm và giúp chức năng toàn thân tốt hơn. Việc lắng tâm nghe giáo pháp và quán hình tượng Phật cũng được xem như là hành nghiệp phước báo sẽ đem lại những nghiệp quả thiện trong tương lai

“Thực hành bố thí đã mang lại hiệu quả điều trị bệnh, chuyển hóa tâm thức người bệnh được yên tịnh và bình an”[43]. Ngay dù bố thí không chữa lành bệnh nan y thì cũng có thể điều trị tâm giúp giải thoát khỏi những ý nghĩ tiêu cực. Đây là cách thực hành theo lời dạy của đức Phật làm cho tâm khỏe mạnh

cho dù thân thể bệnh tật. Vì tâm có thể ảnh hưởng thân thể, sức khỏe thể chất sẽ được cải thiện khi tâm khỏe mạnh.

Điều này sẽ xảy ra khi bố thí được thực hiện trong tình thương chân thật và không có bất cứ tự lợi nào. Bố thí trong ý nghĩa này có thể giải thoát tâm khỏi vị ngã và làm cho nó có thể sử dụng toàn diện năng lực vô ngã để làm lợi ích cho tha nhân. Qua việc làm vị tha như thế, cuối cùng người ta có thể đạt được niết bàn, mục đích tối hậu của Phật Giáo.[44]

Đối với sức khỏe tinh thần, sự quan tâm và chú trọng của Tam bảo là không thể bàn cãi. Mọi đường đi nước bước, các vấn đề cần quan tâm, mọi giá trị cần thực hành đều được Thế Tôn nêu rõ, kinh điển truyền lưu, tạng ni truyền bá. Ta phải phát rộng lòng tin tưởng và thực hành, thì giá trị chân thực của tam bảo mới được gìn giữ và phát triển.

3. Xây dựng đời sống tâm linh và giá trị giải thoát

Với ý chí sắc đá, với trí tuệ siêu đẳng, lòng bi mẫn trời bể, đức vị tha vô lượng, sự truy tìm chân lý tối hậu của Ngài đã đưa đến sự ra đời của Phật giáo. Cũng chính vì thế ta nhận thức được rằng Phật giáo có nghĩa là “giáo huấn của một con người giác ngộ”. Mỗi vị Phật là một con người giác ngộ, một con người đã nhìn thấy sự vật “như nó là”.

Phật giáo xuất hiện trên nền tảng thực tiễn như vậy nên là một tôn giáo dựa trên trí thông minh, khoa học và sự hiểu biết, có mục đích giúp cho thế nhân loại trừ khổ đau và các nguyên nhân tạo nên khổ đau trong một chiều kích thật sâu rộng.

Vậy nhìn từ góc độ của đạo Phật, mọi hình thức tôn thờ hướng vào các vật thể thiêng liêng bằng lễ lạy, nghi thức cúng bái hay cầu khẩn đều không phải là tính cách Phật giáo: “Nếu một người nào đó có thể loại được khổ đau của mình bằng cách cúng dường, bằng sự tôn kính và cầu nguyện, thì sẽ chẳng còn ai trong thế gian này phải chịu gánh khổ đau cả, bởi vì có ai mà lại chẳng biết bày tỏ sự tôn kính và cầu nguyện”[45].

Nhìn trên đại thể mà nói, trong kho tàng giáo lý đồ sộ, ngoài những giáo lý có tính cách của nền đạo đức thực tiễn, được lý giải bằng ngôn ngữ có tính thời đại phổ biến, vẫn còn đó cả phần lớn giáo lý thuộc thế giới bàng bạc cái không khí “huyền chi hựu huyền”, như thể một kính vạn hoa phản chiếu muôn vàn ảnh tượng như thực, như hư, như có như không, mà con người với trí năng có hạn không thể thành đạt kiến giải.

Chính vì thế, với tính cách uyên áo thăm thẳm mà giáo lý của Ngài tác động gợi nhiều cảm hứng cho các tầng lớp đại chúng lẫn hàng ngũ tri thức: "... Ngài là người đã dựng nên một hệ thống tôn giáo vô cùng cao thâm huyền diệu. Ngài thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới. Ngài là kết tinh của người thiện trí. Bởi vì, đứng về phương diện trí thức, chắc chắn Ngài là một trong những vĩ nhân cao thượng nhất của lịch sử..."[46].

Giáo pháp của Ngài là những lời dạy có nội dung bắt nguồn từ chứng pháp mà chứng pháp là sự nội chứng sâu thẳm, thấu suốt đến tận rốt ráo của vạn pháp, vượt quá so đo, tính toán của thế trí. Giáo pháp chỉ dạy những sự thật của cuộc sống an lạc hạnh phúc, sự thật của phẩm giá cao thượng nơi con người, sự thật đó có sức mạnh chuyển hóa sự ham mê đời sống vật chất, tình tiền, nhục dục...[47]

Vì chứng pháp quá sâu thẳm, quá lớn rộng nên khi diễn đạt đức Phật thường dùng các pháp dụ, tức là các ví dụ phù hợp với hoàn cảnh, với thời đại. Ngài là bậc Vô thượng giác, là trí tuệ siêu việt trần thế nên sự giảng dạy đạt đến mức toàn hảo, có công năng làm sống dậy bản chất cao thượng của tâm hồn, là phương thuốc trị bệnh tâm linh cho con người, một căn bệnh trầm kha do tâm lý khao khát ái dục, đã ăn sâu qua vô số đời sống, tạo nên một hấp lực mang nặng chiều hướng bản năng nguyên thủy.[48]

Giải thoát không phải bắt đầu từ bên ngoài mà bắt đầu từ bên trong. Thiên hạ thường nói với nhau rằng, hoàn cảnh tạo ra con người và con người cũng tạo ra hoàn cảnh. Có thể thay đổi hoàn cảnh, thay đổi thế giới bên ngoài để từ đó thay đổi bản thân con người. Cũng có thể thay đổi bản thân con người để từ đó thay đổi thế giới bên ngoài.

Trong hai cách đó, có lẽ giải thoát của Phật giáo theo cách thứ hai. Cần nói thêm rằng, thay đổi thế giới không nhất thiết chỉ bằng hoạt động thực tiễn, mà là thay đổi nhận thức của con người về thế giới. Chẳng trách Hội nghị Phật giáo Thế giới vẫn thường nhắc lại giáo lý giải thoát đặc biệt này của Phật giáo: Thế giới hài hòa bắt đầu từ trong Tâm[49], hay Sự hài hòa trong xã hội bắt đầu từ Tâm[50].

Thứ hai, giải thoát bắt đầu từ cá nhân chứ không phải từ cộng đồng. Tuệ là tự cảm nhận chứ không phải là truyền đạt - tiếp thu. Vậy thì không có cộng đồng nào có thể làm việc đó thay cho cá nhân cả. Nếu như sáng tạo bao giờ cũng bắt đầu từ cá nhân thì giải thoát cũng vậy. Giải thoát là sự sáng tạo của sáng tạo. Trần Thái Tông khẳng định rằng, không có thiên định thì không có trí tuệ, không có trí tuệ thì không có giải thoát.

Tóm lại, đạo đức và tri thức là sản phẩm của con người, không có nó thì con người không thể tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, nếu đạo đức hòa tan vào tri thức hay vào chính trị, thì con người trở thành con người kinh tế hoặc con người chính trị. Phật giáo không phải không bàn đến kinh tế hay chính trị. Chẳng phải Phật giáo đời Trần đã làm cho kinh tế, chính trị của đất nước lúc bấy giờ phát triển mạnh mẽ đó sao?

Tuy nhiên, kinh tế, chính trị chỉ là điều kiện chứ không phải là cứu cánh. Nó là ngón tay để chỉ Mặt Trăng chứ không phải bản thân Mặt Trăng. Giải thoát của Phật giáo làm cho con người trở thành con người nhân bản. Tam học của Phật giáo là sự kết hợp giữa đạo đức - trí tuệ và thiền định để giải thoát. Cho nên giải thoát là tự giải thoát. Tam học và giải thoát của Phật giáo đáng để cho cuộc sống hiện nay suy ngẫm.

Tiểu kết

Phật giáo không phải bi quan cũng không phải lạc quan. Nói đúng hơn, Phật giáo là thực tiễn, vì Phật giáo mang một cách nhìn về cuộc đời và thế gian một cách thực tế. Phật giáo nhìn sự vật một cách khách quan. Trong mối tương quan tương duyên này, sự đóng góp của Phật giáo là quan niệm về nghiệp đối với sức khỏe, bệnh tật, và trị liệu, cũng như cơ bản của mối tương liên tâm linh, và các phương thức thiền quán hình tượng và quán niệm để đạt tới sức khỏe tinh thần và thể chất.

Ứng dụng các phương thức này trong đời sống thường nhật qua nhiều người thuộc các tôn giáo khác nhau để mang lại sự lắng dịu, bình lặng nội tâm, và an lạc giữa đời sống náo động là đóng góp quan trọng của Phật giáo cho cuộc sống khỏe mạnh của nhân loại trong thế giới bất an này. Không chỉ dừng lại ở đời sống cá nhân mà giá trị của Tam bảo còn góp phần xây dựng đời sống.

CHƯƠNG III: GIÁ TRỊ CỦA TAM BẢO ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Cá nhân và xã hội là hai yếu tố không thể tách rời, cá nhân góp phần xây dựng xã hội và xã hội bảo vệ che chở cho cá nhân. Nằm giữa tương quan đó, Phật giáo luôn phối hợp nhịp nhàng, đồng hành và phát triển cùng xã hội. Các giá trị của Tam bảo từ đó cũng phát triển mạnh mẽ, góp phần xây dựng một xã hội hòa hợp trên nền tảng hạnh phúc.

1. Xây dựng gia đình - tế bào của xã hội

Gia đình là một tổ chức nhỏ của xã hội, trong đó các thành viên giữ những vai trò, nhiệm vụ giống và khác nhau, có mối quan hệ mật thiết với nhau, sinh hoạt gia đình tuân thủ theo một nền nếp trật tự nhất định. Các mối quan hệ chính trong một gia đình là quan hệ giữa chồng và vợ, giữa ông bà cha mẹ và con cháu (nếu là tam tứ đại đồng đường), giữa anh chị em với nhau.

Ngoài trách nhiệm đối với bản thân ra, mọi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm đối với những thành viên khác và có trách nhiệm xây dựng, phát triển cuộc sống chung của gia đình. Khi gia đình được xây dựng và phát triển ổn định, bền vững thì xã hội, quốc gia mới hưng thịnh. Vì thế vai trò của mọi cá nhân trong việc nỗ lực xây dựng gia đình vô cùng quan trọng.

Việc xây dựng gia đình được thực hiện trên nhiều phương diện của đời sống vật chất và đời sống tinh thần, gồm có nền nếp sinh hoạt, tình cảm, văn hóa, đạo đức, kinh tế, tài chính, truyền thống gia đình, sự nghiệp của từng cá nhân và sự nghiệp chung của gia đình, việc gìn giữ các trách nhiệm, bốn phận của mỗi thành viên v.v... Trong kho tàng kinh tạng Nikàya có rất nhiều bài kinh đức Phật dạy về đời sống gia đình, những lời dạy ấy cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Trong kinh ĐIỂM LÀNH LỚN, đức Phật tuyên bố: “Hiếu dưỡng cha và mẹ/ Nuôi dưỡng vợ (chồng) và con/ Làm nghề không rắc rối/ Là điểm lành tối thượng”[51]. Ở đây đức Phật cho biết việc nuôi dưỡng, thương yêu, chăm sóc cho những người thân trong gia đình, xây dựng tốt các mối quan hệ trong gia đình, có nghề nghiệp lương thiện ổn định cuộc sống gia đình là một hạnh phúc lớn lao, là điểm lành tối thượng.

Đối với cha và mẹ là hai đấng sinh thành, đức Phật dạy bốn phận làm con phải hiếu kính, phụng dưỡng, xem cha mẹ như vị trời Phạm thiên[52].

Trong kinh GIÁO THỌ THI CA LA VIỆT[53], Đức Phật dạy như sau: Bốn phận của con đối với cha mẹ là kính yêu, phụng dưỡng cha mẹ, giúp những việc cha mẹ cần làm, giữ danh dự và truyền thống gia đình, giữ gìn tài sản, sự nghiệp của cha mẹ. Cha mẹ cũng có bốn phận nuôi nấng con khôn lớn và giáo dục con nên người, giúp con có nghề nghiệp, hướng con theo đường lành, dựng vợ gả chồng cho con, trao của thừa tự cho con đúng lúc.

Bên cạnh quan hệ giữa cha mẹ và con cái còn có quan hệ chồng vợ, quan hệ anh chị em. Về quan hệ chồng vợ, chồng đối với vợ phải yêu thương, tôn trọng và chung thủy, quan tâm chăm sóc chu đáo đời sống vật chất lẫn tinh thần, thường tặng quần áo, trang sức cho vợ; vợ đối với chồng phải thương yêu, kính trọng và trung thành, quản lý tốt nhà cửa, gìn giữ tài sản, sự nghiệp của chồng[54]. Người vợ vừa là vợ, vừa là người yêu, vừa là bạn tri kỷ, và cũng cần

có những đức tính như mẹ hoặc em gái[55].

Đây quả là tư tưởng rất tiến bộ trong xã hội Ấn Độ cổ đại. Không chỉ ở Ấn Độ mà còn nhiều quốc gia khác trên thế giới, phương Đông lẫn phương Tây từ xưa đã có mặt tư tưởng bất bình đẳng trong quan hệ nam nữ, người vợ trong gia đình mất hết quyền làm chủ bản thân, phải lệ thuộc người chồng về mọi mặt. Cho đến nay bình đẳng giới vẫn chưa được thực hiện ở mức độ cao (chứ không nói là triệt để, vì có nhiều quan điểm khác nhau, chẳng biết như thế nào mới gọi là triệt để) bởi đây đó vẫn tồn tại tư tưởng trọng nam khinh nữ.

Quan niệm về tình yêu, hôn nhân của đức Phật cũng hết sức tiến bộ (vợ chồng vừa có tình, vừa có nghĩa; trong mối quan hệ vợ chồng phải có tình yêu, tình bạn tri âm tri kỷ, phải có sự tôn trọng lẫn nhau và có trách nhiệm, bổn phận đối với nhau), cho đến nay sau hơn hai mươi lăm thế kỷ, người ta mới nhận ra ý nghĩa giá trị của nó.

Những đổ vỡ, bất ổn trong đời sống gia đình dẫn đến mất hạnh phúc, tình trạng ly dị, ly thân, ngoại tình, gây ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội, làm giảm chất lượng cuộc sống đã khiến cho người ta nhìn lại, xem xét lại và tìm thấy những giá trị tích cực trong lời Phật dạy.

Về kinh tế gia đình và đời sống vật chất. Để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc, những thành viên trong gia đình cần siêng năng tháo vát trong việc tạo ra tài sản, biết sử dụng tài sản một cách hợp lý và quan tâm giữ gìn tài sản, không để tài sản thất thoát, tiêu tán.

Những điều này đã được đức Phật dạy rất rõ “Thiện nam tử làm nghề gì để sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì, trong các nghề ấy, người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư hiểu phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm; này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự tháo vát”[56]

Đức Phật dạy có năm nghề nghiệp không được làm, đó là: đồ tể (giết mổ, sát sinh), buôn bán vũ khí (gươm đao, súng đạn; vũ khí sinh học, hạt nhân, nguyên tử, nói chung là các phương tiện giết người, gây khổ đau, thương tổn cho người khác), buôn bán người (buôn bán nô lệ, nô tỳ lao động, phục dịch, kể cả mua bán trẻ em, mua bán phụ nữ làm nô lệ tình dục), buôn bán chất gây say, gây nghiện (rượu, ma túy) và buôn bán thuốc độc (các loại dược liệu, hóa chất độc hại)[57].

Việc tạo ra tài sản đã khó, việc gìn giữ và phát triển lại càng khó hơn. Đức Phật đã chỉ ra một số nguyên nhân gây ra sự thất thoát, phá tán tài sản như sau: “Có

bốn cửa xuất để tài sản bị tiêu phí, đó là: đam mê đàn bà, đam mê rượu chè, đam mê cờ bạc; giao du với bạn bè, thân hữu ác.”[58]

Tác hại của việc “du hành phi thời”, nhất là du hành vào ban đêm cũng được đức Phật phân tích hết sức đầy đủ và chi tiết trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt: “Du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm: tự mình không được che chở, hộ trì; vợ con không được che chở hộ trì; tài sản không được che chở hộ trì; bị tình nghi là tác giả các ác sự; nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não”[59]. Tóm lại, du hành phi thời là việc đi lại không an toàn có thể xảy ra nhiều hiểm họa cho mình, những người thân và tài sản sở hữu, danh dự.[60]

Về quản lý chi tiêu tiền bạc cũng được đức Phật đề cập đến trong kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt: “Tài sản cần chia bốn/ Để kết hợp bạn bè/ Một phần mình an hưởng/ Hai phần dành công việc/ Phần tư, phần để dành/ Phòng khó khăn hoạn nạn”[61]. Có lẽ không ai ngờ từ mấy ngàn năm trước đức Phật đã lưu tâm đến tầm quan trọng của việc quản lý chi tiêu trong đời sống. Chi tiêu hợp lý là một vấn đề khá đau đầu, nó đòi hỏi sự thông minh, khéo léo, trong đó những phẩm chất đạo đức cũng góp phần ảnh hưởng.

Có thể nói, trọng tâm của giáo pháp đức Phật nhằm hướng chúng sinh đến giải thoát, Niết Bàn nhưng Ngài cũng rất chú trọng đến các lĩnh vực khác của cuộc sống, nhất là đời sống gia đình. Khi bản thân, gia đình ổn định, hạnh phúc, an vui thì chúng ta mới có thể sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần xây dựng xã hội, đất nước văn minh, giàu mạnh.

2. Ổn định và phát triển xã hội

Trong quá trình hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng những nhu cầu tâm linh, các dân tộc Phương Đông, tùy vào hoàn cảnh xã hội – lịch sử, điều kiện địa lí và nhận thức, đã đi theo những con đường tâm linh khác nhau mà Phật giáo là một trong số đó.

Với giáo lí Duyên khởi cho rằng mọi sự vật, hiện tượng đều do duyên mà phát khởi, do đó đều liên thuộc, quy định lẫn nhau do đó không có cái gì thuần túy là nhân hay là quả. Đức Phật đi tới kết luận vô thường và vô ngã hoặc tính không. Áp dụng đối với nhân sinh, Ngài đã nêu ra Ngũ uẩn, Thập nhị nhân duyên và Tứ Diệu đế về sự khổ, nguồn gốc khổ, sự diệt khổ và con đường tu tập để giải thoát.[62]

Học thuyết của đức Phật chỉ ra con đường cứu vớt chúng sinh đau khổ, không phân biệt giai tầng đẳng cấp và giới tính, vì vậy được những bậc trí giả tin theo

và qua họ mà đi vào quần chúng bình dân.

Phật giáo có nhiều cải biến linh hoạt, giao hòa với văn hóa tâm linh bản địa, để thích ứng với hoàn cảnh văn hóa xã hội của từng không gian địa lý và với từng giai đoạn phát triển của mỗi nơi. Năng lực thích nghi cao của Phật giáo có được là nhờ bản chất từ bi và trí tuệ của tôn giáo này, dẫn tới sự nhập thế và chia sẻ trách nhiệm với hệ thống xã hội. Nhờ đó, Phật giáo có thể chung sống hoà bình và trong nhiều trường hợp vẫn phát triển trong sự cạnh tranh của một vài tôn giáo khác.

Qua thực tế, chúng ta có thể thấy rằng sự đa dạng tôn giáo là cần thiết vì không những đáp ứng được những nhu cầu tâm linh và xã hội khác nhau, mà quan trọng hơn nó còn là tác nhân giúp giữ vững trật tự và ổn định xã hội.

Chẳng hạn như trong bài tựa quyển sách Thiền tông chỉ nam ca vua Trần Thái Tông đã viết: “Cái phương tiện để mở lòng mê muội, cái đường lối để rõ lẽ tử sinh, ấy là giáo hóa của Đức Phật. Làm cán cân chuẩn mực cho hậu thế, làm khuôn phép cho tương lai, ấy là trọng trách của Đức Thánh (Khổng Tử)... Trẫm nay phải lấy trách nhiệm của Đức Thánh làm trách nhiệm của mình, lấy lời dạy của Đức Phật làm lời dạy cho mình”[63].

Ở Việt Nam, do vị trí địa lý, “Dòng Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi và cả Thiền phái Trúc Lâm từ Tổ thứ hai Pháp Loa mang đậm màu sắc Mật giáo, do tín ngưỡng Mật giáo rất gần gũi với tín ngưỡng dân gian ...”[64]. Dần về sau (từ thế kỷ XIV-XV) Tịnh Độ tông phát triển mạnh và chiếm ưu thế vì giáo lý Tịnh Độ tông dễ hiểu, dễ thực hiện, gần gũi với tâm thức quần chúng bình dân, và Thiền chuyển sang kết hợp với Tịnh Độ tông.

Sự cải biến nổi trội nhất của Phật giáo thể hiện ở sự xuất hiện giáo lý Đại thừa, được xây dựng trên cơ sở niềm tin có một con đường giải thoát cho tất cả mọi người, không riêng gì những ai từ bỏ cuộc sống gia đình và hiến mình cho công việc tu hành trong thiền viện, vì tất cả chúng sinh đều có Phật tính và chỉ cần giúp họ gạt bỏ vô minh là họ có thể tự giác tu tập để đạt tới giải thoát, tức đạt tới Niết Bàn, ở ngay thế giới này.

Để giúp con người đẩy lùi vô minh, tiến nhanh đến giải thoát, Đại thừa đề cao hạnh Bồ Tát: lòng từ bi dựa trên căn bản của trí tuệ cứu độ tất cả chúng sinh bằng cách làm cho họ thức tỉnh. Sự cải cách quan trọng này lan tỏa Phật giáo đến với quần chúng Phật tử, không đòi hỏi phải xuất gia, vẫn có thể hoàn thành trách nhiệm của mình song hành với tu hành. Hơn thế, cải cách này còn làm cho xã hội trật tự, ổn định hơn.

Ở Việt Nam, Phật giáo và văn hóa tín ngưỡng của người Việt xưa đã tiếp biến lẫn nhau, để tạo thành một thứ văn hóa Phật giáo Việt Nam, đặc biệt phát triển rực rỡ vào thời Lý - Trần dẫn đến sự ra đời phái Thiền Trúc Lâm với tổ thứ nhất là vua Trần Nhân Tông xuất gia năm 1299. Không những chăm lo đời sống tâm linh, Phật giáo Việt Nam còn quan tâm đến đời sống thế tục của cộng đồng.

Văn hóa Phật giáo Việt Nam thấm đẫm trong đạo đức, trong lối sống của người Việt và chuyển hóa thành một yếu tố sức mạnh của dân tộc ta trong công cuộc xây dựng Nhà nước độc lập, phát triển và bảo vệ Đất nước. Vì thế mà Phật giáo Việt Nam đã gắn liền với lịch sử đời sống dân tộc.

Đặc biệt, khác với những tôn giáo khác, giáo lý duyên khởi, vô thường và tính không của Phật giáo có rất nhiều điểm tương đồng với khoa học đương đại. Theo thuyết nhà Phật, một sự kiện (quả) chỉ có thể xảy ra bởi vì nó nương tựa vào những yếu tố khác (nhân và duyên).Điều này phù hợp với những khám phá và chứng nghiệm của khoa học.

Sự đồng quy của các ý niệm Phật giáo với những kết luận khoa học đã khiến các nhà khoa học ca ngợi Phật giáo rằng: “Nếu có bất kì một tôn giáo nào có thể đáp ứng được những nhu cầu của nền khoa học đương đại thì đó chính là Phật giáo”[65].

Như vậy, cả Phật giáo lẫn khoa học đều có mục tiêu mô tả thực tại. Tuy nhiên việc áp dụng kĩ thuật những thành tựu khoa học đưa lại những hệ quả có thể tốt hoặc xấu, có ích lợi hoặc tai hại, cho đời sống con người.

Ngược lại, Phật giáo trang bị cho hành giả phương pháp quán tưởng với thiết bị là tâm để nhìn rõ bản tính chân thật của thực tại, thấy rõ cơ chế vận hành của hạnh phúc và đau khổ, những tiến trình gây ra những hệ quả độc hại, từ đó dẫn đến sự chuyển hóa sâu sắc nhận thức về thế giới và hành động, đưa tới sự an bình nội tâm và tấm lòng khoan ái [66].

3. Xây dựng đạo đức chuẩn mực

Phật giáo đề cao con người. Hay nói cách khác, tiền đề xuất phát của Phật giáo là con người sống hiện hữu. “Con người là trọng tâm trong văn hóa đạo đức Phật giáo”[67]. Nền tảng để xây dựng văn hóa đạo đức Phật giáo là Giáo lý Nghiệp. Đó là định luật về Nhân - Quả và sự tác động của nó đối với tiến trình sống của con người; về sự báo ứng của những suy nghĩ, lời nói, việc làm của con người đối với đời sống của chính mình.

Do vậy, con người chính là chủ nhân của sự hạnh phúc hay đau khổ. Muốn có đời sống không khổ đau thì mỗi người phải tạo ra “Nghệp” tốt lành ngay trong suy nghĩ, lời nói, hành động của mình thay vì đi tìm kiếm hạnh phúc ngoài kiếp sống. Đó là điểm xuất phát để giáo lý Nghiệp đi đến chủ trương xây dựng một nền đạo đức nhân bản.

Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa Phật giáo với các tôn giáo khác (các tôn giáo như Ấn giáo, Khổng giáo, Đạo giáo, thừa nhận sự thống trị, sự quyết định của các thế lực, các sức mạnh tại ngoại đối với đời sống con người).

Phật giáo là một tôn giáo từ bi, một hệ thống triết học và một nền đạo đức nhân bản. Hệ thống kinh điển đồ sộ và hoàn thiện của Phật giáo là “Tam Tạng Kinh” bao gồm Kinh, Luật, Luận, ở đó chứa đựng những giá trị đạo đức nhân sinh, hướng con người tới chân lý sống. Những chân lý ấy luôn phù hợp với mọi căn tính của chúng sinh, đáp ứng nhu cầu của mọi thời đại.[68]

Những giá trị đạo đức Phật giáo bao gồm một hệ thống các giá trị về từ, bi, hỷ, xả, lễ công bằng bình đẳng, lòng khoan dung và đức hiếu sinh... Từ, bi, hỷ, xả là một trong những giá trị cốt lõi của Phật giáo, có ảnh hưởng khá nhiều đến đời sống đạo đức của người Việt Nam trong lịch sử cũng như trong giai đoạn hiện nay.[69]

Tâm “Từ” là lòng từ ái vô lượng, vô biên, là cái đối trọng với sân hận. Theo quan niệm của Phật giáo, cái tâm sân hận không thể được dập tắt bằng lòng thù oán mà nó chỉ có thể hóa giải được bằng tâm “Từ”. Nếu dùng oán để trả oán, thì oán oán sẽ chập trùng, khó mà chấm dứt được dòng nhân quả vay trả, trả vay bất tận. Bởi vì theo Phật giáo: “Lấy oán báo oán, oán sẽ chất chồng/ Lấy ơn báo oán, oán sẽ tiêu tan”.

Tâm “Bi” là lòng xót thương vô hạn, là sự rung động trước nỗi đau của người khác và nỗi đau của nhân thế; là sự cảm thông vô hạn đối với con người, đối với mọi chúng sinh không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, sang hèn, thân sơ. Tâm “bi” là cái đối trọng với hung bạo, hận thù nhưng nó hoàn toàn không phải là sự bi lụy. Đức Phật đã dạy rằng, hận thù không bao giờ diệt được hận thù, từ bi diệt hận thù là định luật nghìn thu.

Tâm “Hỷ” là vui với niềm vui của người khác, buồn với nỗi buồn của người khác, không hiềm khích ganh tỵ trước thành tựu của người khác. Tâm “Xả” là không luyến ái, không bực tức, nóng giận trong phiền não. Tóm lại, “từ, bi, hỷ, xả” là thái độ cùng vui, cùng buồn với tất cả chúng sinh, là tư tưởng cứu khổ, cứu nạn.[70]

Bên cạnh những giá trị đạo đức từ, bi, hỷ, xả vừa nêu trên, công bằng, bình đẳng và lòng khoan dung cũng là những giá trị đạo đức quan trọng của Phật giáo. Công bằng là theo đúng lẽ phải, không thiên vị; bình đẳng là ngang hàng nhau về địa vị và quyền lợi; còn khoan dung là lòng rộng lượng tha thứ cho những người lầm lỗi.[71]

Theo cách hiểu thông thường, công bằng và bình đẳng là một điều hiển nhiên trong mối quan hệ giữa người và người. Ngoài ra, Phật giáo còn đề cao giá trị “đức hiếu sinh”, đó là xoa dịu nỗi đau thương, cứu giúp người cùng khổ, người nghèo đói, ốm đau, bệnh tật.

Tinh thần cứu khổ ấy của Phật giáo phù hợp với truyền thống luân lý đạo đức “yêu nước, thương người” của nhân dân ta, gần gũi với triết lý sống trong ca dao tục ngữ của người dân Việt Nam như “Lá lành đùm lá rách”, hay “Nhiều điều phủ lấy giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng”.

Đạo đức Phật giáo bao giờ cũng đề cao tính nhân văn; khuyên con người yêu thương giúp đỡ nhau; luôn hướng con người làm điều thiện, tránh điều ác, phi nhân tính... Bởi vậy, “đạo đức Phật giáo có những điều phù hợp với đạo đức xã hội, trở thành giá trị văn hoá tinh thần của nhân loại”[72]. Tóm lại, những giá trị, chuẩn mực Phật giáo đó là lòng yêu thương con người và vạn vật; lòng hiếu thảo với cha mẹ và thuận thảo với mọi người; lòng yêu quê hương đất nước và nhân loại; tinh thần khuyến thiện, trừ ác.

Nhìn một cách tổng quát, những giá trị và chuẩn mực đạo đức Phật giáo đã góp phần hình thành nên nhân cách, lối sống của người Việt Nam trong lịch sử và hiện nay. Thực hành lối sống đạo đức Phật giáo gắn liền với lương tâm, nghĩa vụ và trách nhiệm của người Phật tử.

Thực hành lối sống đạo đức Phật giáo ngoài xã hội gắn liền với các hoạt động từ thiện, cũng là cơ hội để Phật giáo đi sâu và gắn kết với cộng đồng dân tộc, nhằm xoa dịu nỗi đau khổ của những người chịu nhiều bất hạnh trong cuộc sống, đóng góp cho đất nước những giá trị nhân văn tốt đẹp.[73] Bên cạnh đó, thực hành lối sống đạo đức Phật giáo còn là phương tiện hữu hiệu thể hiện tốt hơn nữa phương châm “Đạo pháp - dân tộc và chủ nghĩa xã hội” của Giáo hội Phật giáo Việt.

Tiểu kết

Phật giáo đã cùng tiến cùng lùi với xã hội, xây dựng xã hội hướng xã hội đến một tương lai tươi sáng, nơi nhân loại có thể phát triển đầy đủ trong giá trị hạnh phúc chân chính. Từ đó, ta nhận thấy giá trị không thể phủ nhận của Tam bảo,

khi mà bất kì lời dạy nào của Thế Tôn, hay một hành động nào của Tăng đoàn đều vì hạnh phúc của nhân loại. Về giá trị của Tam bảo đối với xã hội ta không thể bàn cãi.

CHƯƠNG IV: TAM BẢO VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ những giá trị chân chính mà Tam bảo biểu hiện trong vấn đề đời sống cá nhân và xã hội, ta nhận thấy sự trí tuệ và từ bi của Như Lai. Học là để ứng dụng hành trì, nhằm xây dựng hiện tại, phát triển tương lai. Thế nên, từ những bài học nêu trên, ta phải so sánh đối chiếu với Phật giáo Việt Nam hiện tại, để đưa ra những nhìn nhận đánh giá hợp lý nhằm xây dựng ba ngôi Tam bảo ngay một phát triển.

1. Thuận lợi

Phật giáo Việt Nam cũng có được nhiều thuận lợi cơ bản. Trước hết, đó chính là việc hình thành một tổ chức Giáo hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất, có cơ duyên thực hiện được việc thống nhất tổ chức và lãnh đạo, thống nhất tư tưởng và hành động[74]. Chính sự thành lập này đã đem lại trước hết cho Phật giáo Việt Nam một vận hội mới về sự đoàn kết, hoà hợp tạo sức mạnh nội lực để Giáo hội thực hiện nhiều hoạt động phật sự.

Trên cơ sở sự hình thành một tổ chức thống nhất, mọi hoạt động có liên quan hữu cơ thúc đẩy quá trình phát triển Phật giáo Việt Nam mới có cơ hội thực hiện. Từ việc thiết lập tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mối tương quan mật thiết giữa ba hệ phái được củng cố, trên cơ sở giữ vững nét đặc thù riêng có của từng hệ phái nhưng cũng làm phong phú, đa dạng hơn văn hoá truyền thống Phật giáo Việt Nam.[75]

Phật giáo Việt Nam có cơ duyên bảo tồn và phát huy được những nét tinh túy trong văn hoá truyền thống Phật giáo vào thời đại mới. Nét tinh túy đó chính là tư tưởng nhập thế của Phật giáo Việt Nam là nét son tô đậm trong quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Đạo Phật đề cao lối sống thực nghiệm, đưa nội dung giáo lý siêu việt ấy đi vào cuộc sống đời thường, dùng nó như một phương thuốc chữa lành vết thương cho những con người đang gặp nhiều nỗi đau thương mất mát, sợ hãi và đau khổ...

Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trải suốt hơn 2.000 năm qua tuy có lúc được thể hiện rõ nét, có lúc chưa được làm sáng tỏ, nhưng điều quan trọng là nó vẫn liên tục phát triển từng nơi từng lúc và trở thành sợi chỉ xuyên suốt

quá trình hoạt động của Phật giáo Việt Nam. “Tinh thần ấy càng được củng cố trong suốt thời kỳ chống ngoại xâm, đem lại nét đặc thù riêng có của Phật giáo Việt Nam”[76].

Thành tựu của tinh thần này được biểu hiện nhiều vẻ, dưới nhiều góc độ khác nhau. Có thể thấy điều này trên thành quả của hàng trăm phòng phát thuốc, hàng chục Tuệ Tĩnh đường, các lớp học Tình Thương, trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật, trung tâm tư vấn, giúp đỡ người bị HIV/AIDS; nhà ở cho người có công với nước, Quỹ Khuyến học cho những trẻ em nghèo hiếu học, chăm lo cho người già neo đơn, ...

Trong thời đại ngày nay, những phát minh về khoa học, công nghệ thông tin, những phát hiện mới về khảo cổ học, về những văn bản gốc có liên quan đến Phật giáo đã mở ra chân trời mới, giúp tiếp cận với Phật giáo một cách sâu sắc, chính xác và phong phú hơn.

Nhiều mạng thông tin của Phật giáo đã mở ra nhận thức mới, cung cấp tầm nhìn rộng và sâu về Phật giáo thế giới. Chủ trương hội nhập khu vực và quốc tế của đất nước được thúc đẩy tốt nếu như việc hiểu biết để hội nhập của Phật giáo Việt Nam với các nước cận kề trong khu vực sau đó với thế giới được thực hiện.

2. Thách thức

Song song với những thuận lợi vừa kể, Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại không phải là không gặp khó khăn. Những hạn chế và thách thức này đặt ra cho chính Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đó là những vấn đề có tính thời đại. Sự phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật làm chuyển đổi cuộc sống, sinh hoạt đời thường, trong đó có sinh hoạt của những tu sĩ. Biến đổi nhanh làm cho việc đào tạo con người thích ứng theo những chuyển đổi ấy còn khá chậm.

Xét về nguồn nhân lực, Phật giáo Việt Nam tuy hiện nay đã có hàng trăm tu sĩ đi sang các nước tiếp thu kiến thức mới, phù hợp với đà phát triển trong thời đại mới, đã lần lượt trở về và hàng trăm tu sĩ trẻ tốt nghiệp Học viện Phật giáo trong nước mỗi năm, nhưng số lượng ấy chưa thể gọi là nhiều, và chưa đủ để có thể trở thành hạt nhân nòng cốt cho tất cả các mạng lưới hoạt động phật sự của từng địa phương thời gian tới.

Một vấn đề đặt ra trong giai đoạn có sự chuyển đổi trên nhiều lĩnh vực, đối với tất cả các tôn giáo, đó chính là xu hướng thế tục hoá. Đứng trước những hiện tượng này, Phật giáo Việt Nam cũng cần vận dụng những đặc thù trong truyền thống để làm sáng tỏ khái niệm Phật giáo nhập thế, vốn mang tính tích cực, để

phân biệt với xu hướng thế tục hoá, vốn mang tính tiêu cực và thể hiện bản chất không tốt đẹp.[77]

Thách thức lớn do thời đại đặt ra đối với tu sĩ Phật giáo Việt Nam còn là những hạn chế về thông tin, hoạt động của Phật giáo thế giới. Khá nhiều mạng thông tin điện tử Phật giáo như Đạo Phật ngày nay, Thư viện Hoa sen, Trang nhà Quảng Đức... cung cấp nhiều nguồn tin tức mới về Phật giáo trên thế giới, nhưng số người đọc nó chưa phải là nhiều.[78]

Không kể một số tu sĩ trẻ có trình độ ngoại ngữ và vi tính thông thạo, một số khác chưa quan tâm nhiều đến việc cập nhật thông tin qua mạng và chưa cảm thấy cần thiết phải có trình độ ngoại ngữ để đọc thêm sách báo nước ngoài.

Vài năm gần đây, số lượng tu sĩ được đào tạo bậc đại học, sau đại học Phật giáo đã có nhiều đóng góp đáng kể vào hoạt động Phật sự của Phật giáo Việt Nam. Nhiều công trình sách được xuất bản mang dấu ấn của việc trở về với nét đặc thù riêng có của Phật giáo Việt Nam mà các tác giả là những tu sĩ trẻ, có hoài bão và năng lực.[79]

Tuy nhiên, cũng chính từ những thành quả ấy mà thách thức đặt ra cho thế hệ tu sĩ trẻ càng cao, đòi hỏi sức phấn đấu vươn lên trong hoằng pháp cũng như trong việc nâng cao nhận thức, để xứng đáng với vai trò là người thầy, là cầu nối của đức Phật với phật tử.

Bởi vì ngoài áp lực của việc nhanh chóng nâng cao tầm nhìn, còn là những trở ngại khó vượt qua của muôn vàn điều kiện khác, như yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và vi tính để có thể tiếp cận thông tin và xử lý thông tin, truyền đạt thông tin qua nhận thức cá nhân, kết hợp với tấm lòng yêu thương sâu sắc đất nước, đạo pháp và dân tộc.

3. Vai trò của Tăng, Ni

Trước hết, để có thể có lời đáp thoả đáng cho nhiều vấn đề mang tính thời đại của Phật giáo, cần thiết có nhiều buổi tọa đàm, hội thảo quốc gia và quốc tế bàn về các vấn đề trên. Chỉ có trong những hội thảo ấy, nhiều thách thức mới được nêu ra, được bàn bạc, trao đổi và đi đến những biện pháp thích hợp nhất để cùng nhau giải quyết.

Cũng cần nhận rõ hơn trong những yếu tố nội lực tạo tiền đề cho nhiều cơ hội mới và những thách thức mới thì yếu tố con người là quan trọng nhất. Việc gấp rút nâng cao nhận thức, tầm nhìn, đào tạo năng lực cho một thế hệ tu sĩ trẻ, đủ sức gánh vác nhiệm vụ mà thời đại đặt ra cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam là

việc làm có tính cấp thiết.

Trong đào tạo nguồn nhân lực, cũng đòi hỏi việc chuẩn bị lại giáo trình, nội dung các môn học, phương pháp tiếp cận... sao cho nền giáo dục Phật giáo thực sự mang ý nghĩa vì một đạo Phật Việt Nam, lấy sự tu chứng và quá trình thực nghiệm làm căn bản.

Song song với việc chuẩn bị tốt giáo trình giảng dạy, cũng cần nắm bắt được những cốt lõi, những đặc điểm của Phật giáo Việt Nam, để trên con đường các tu sĩ trẻ được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều nước khác nhau, vẫn luôn tâm niệm rằng chính là để phục vụ cho đạo Phật Việt Nam, cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam và con người Việt Nam.

Ý thức điều này, người được đào tạo sẽ vững tin đi trên con đường mà phương châm Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đề ra. Đó là những người tu sĩ hành sử nhiệm vụ của mình vì đạo pháp và cho dân tộc.[80]

Tóm lại, trước sự vận hành mới của cuộc sống, đứng trước những vận hội mới và những thách thức mới đặt ra cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, những người tu sĩ cần dẫn thân, trang bị tinh thần nhập thế, vì cuộc sống an lạc cho người dân và vì một đất nước Việt Nam hùng cường, thái bình, vì một đạo Phật Việt Nam có bề dày lịch sử hơn 2.000 năm mà tiến bước. Ý thức và hành động như vậy chính là đã góp phần hữu hiệu vào quá trình đưa Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới, trong xu thế toàn cầu hóa.

Tiểu kết

Tu tập tâm linh và hộ trì chính pháp là hướng nguyện của người học Phật và hành theo Phật với mục đích tự độ và độ tha. Chúng xuất gia nỗ lực tu tập để thành tựu Giới - Định - Tuệ để hội chúng tại gia có nhân duyên quy tụ nương tựa tâm linh. Thế nên, vai trò và trách nhiệm của một vị Tỳ-kheo hay đoàn thể Tăng là rất lớn.

Nói một cách dễ hiểu là một vị Tỳ-kheo phải luôn tâm niệm tự mình thiết lập môi trường tu tập, cùng nhau học hỏi chính pháp, hành trì giáo pháp để thăng tiến và giúp cho mọi chúng sinh thoát khổ, hướng tâm về Phật đạo, đó cũng là bản hoài của chư Phật mười phương.

VÀI ĐIỀU SUY TƯ

Người tu sĩ ngoài việc tự thân kiện toàn Giới - Định - Tuệ thì nhiệm vụ hoằng pháp lợi sinh là điều không thể thiếu. Nói cách khác, nhiệm vụ đưa người thế

đến với Phật giáo, đúng lúc, đúng thời, phù hợp nhằm có được đời sống an yên là nhiệm vụ vô cùng quan trọng thể hiện trí tuệ sáng suốt, từ bi tràn đầy của người con Phật. Sự hiện hữu của hình bóng tu sĩ là sự hiện hữu của Phật pháp. Xem ra, trang nghiêm tự thân đôi khi cũng là nhân duyên để đưa người qui ngưỡng Tam bảo.

Cũng cần nhận rõ hơn trong những yếu tố nội lực tạo tiền đề cho nhiều cơ hội mới và những thách thức mới thì yếu tố con người là quan trọng nhất. Việc gấp rút nâng cao nhận thức, tầm nhìn, đào tạo năng lực cho một thế hệ tu sĩ trẻ, đủ sức gánh vác nhiệm vụ mà thời đại đặt ra cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam là việc làm có tính cấp thiết.

Trong đào tạo nguồn nhân lực, cũng đòi hỏi việc chuẩn bị lại giáo trình, nội dung các môn học, phương pháp tiếp cận... sao cho nền giáo dục Phật giáo thực sự mang ý nghĩa vì một đạo Phật Việt Nam, lấy sự tu chứng và quá trình thực nghiệm làm căn bản.

Song song với việc chuẩn bị tốt giáo trình giảng dạy, cũng cần nắm bắt được những cốt lõi, những đặc điểm của Phật giáo Việt Nam, để trên con đường các tu sĩ trẻ được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều nước khác nhau, vẫn luôn tâm niệm rằng chính là để phục vụ cho đạo Phật Việt Nam, cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam và con người Việt Nam.

Ý thức điều này, người được đào tạo sẽ vững tin đi trên con đường mà phương châm Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đề ra. Đó là những người tu sĩ hành sử nhiệm vụ của mình vì đạo pháp và cho dân tộc.

Đọc kinh Giáo giới Phú Lâu Na[81], chúng ta có thể hình dung ra xứ mạng giáo hóa chúng sinh, bất kể nghiệp dĩ của họ còn nặng nề là một xứ mạng thiêng liêng mà hàng xuất gia cần phải gánh vác. Tuy nhiên, cả cư sĩ và chư Tăng đều là đệ tử Phật, có khác chăng chỉ là dung nghi, cách sống, mức độ hành trì giáo pháp. Cả hai chúng đệ tử đều có sự hỗ tương với nhau chặt chẽ. Xét về mức độ sâu xa thì đôi khi còn ảnh hưởng tới sự phát triển hay suy vong của Phật giáo.

Người xuất gia nên phát nguyện mạnh mẽ trong việc giáo hóa người cư sĩ như Tỳ-kheo Abhibhu khi ở cõi trời Phạm Thiên: “Hãy đứng dậy/Lên đường/Hãy dẫn thân Phật giáo[82]. Ở đâu người cư sĩ có nhu cầu học Phật, thì hàng xuất gia nên phát nguyện dẫn thân.

Trong thực tiễn thời nay, với những nhu cầu của hàng cư sĩ như cưới gả, ma chay, hàng xuất gia phải xem đó như là cơ duyên hóa độ mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện nào. Phải trầm tư lời Phật dạy trong kinh Tập: “Ta không hưởng vật

dụng do tụng kệ đem lại, đây không phải là pháp của bậc có chính kiến.”[83]

KẾT LUẬN

Từ giá trị của Tam bảo, ta thấy rõ được tầm quan trọng của đạo Phật khi đã giải quyết, đáp ứng những nhu cầu bức thiết của thời đại. Giá trị của Tam bảo chính là yếu tố vô cùng cần thiết để xây dựng đời sống cá nhân trở nên viên mãn và hạnh phúc. Trên nền tảng đó, Tam bảo góp phần xây dựng đời sống cộng đồng ngày một hòa hợp, phát triển, văn minh. Với tất cả sự nỗ lực cố gắng, Tăng bảo hiện diện giữa đời đưa giá trị cao tột của Phật bảo và Pháp phát huy hết sức mạnh với ý nghĩa đầy đủ nhất, trọn vẹn nhất.

Hiểu được quan trọng của đề tài này, ta sẽ có thể học hỏi được trọn vẹn từ những bài học từ quá khứ, tiếp thu tinh thần cao thượng ấy và ứng dụng một cách triệt để nhất vào đời sống tu học, hành trì của bản thân, để hoàn thiện thêm về sự hiểu biết của mình và cũng là trang bị kĩ càng hơn cho sự hoằng dương chính pháp. Không có một sự nghiên cứu tìm hiểu nào trở nên vô dụng nếu người nghiên cứu thực hành đúng mục đích, đúng phương pháp như lời Thế Tôn luôn sách tấn.

Dù là học gì, hành gì thì đây đều là một con đường dài với nhiều gian nan, thử thách, đầy rẫy những khó khăn, đặc biệt là với tu sĩ Phật giáo – người gánh trên vai trách nhiệm cứu độ tự thân, cứu độ chúng sinh. Mỗi người chúng ta khi đã bắt đầu bước đi trên con đường nghiên cứu giáo lý Phật Đà, nghiên cứu triết học thì cần chuẩn bị cho mình một tâm thế sẵn sàng và một tinh thần vững chãi cũng như dũng khí kiên cường.

Học làm sao để thấy rõ tự ngã, tu làm sao để giải thoát được bản thân và hoằng hóa làm sao để thế giới thấm nhuần giáo lý Phật Đà là một loại học vấn, một loại trí tuệ mà mỗi chúng ta cần phải nỗ lực tinh tấn trong thực hành mới có thể đạt được.

Tác giả: **Thích nữ Hiền Liên** - ThS Khóa V Học viện PGVN tại Tp.HCM

